
Ý ĐỊNH HÀNH VI VÌ MÔI TRƯỜNG TẠI NƠI LÀM VIỆC CỦA NHÂN VIÊN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Nguyễn Thị Phương Linh

Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: linhnp@neu.edu.vn

Nguyễn Đức Thắng

Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: 11203539@st.neu.edu.vn

Nguyễn Thị Phương

Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: 11206652@st.neu.edu.vn

Nguyễn Phương Thảo

Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: 11206949@st.neu.edu.vn

Dương Thị Thu Trang

Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: 11207179@st.neu.edu.vn

Nguyễn Đức Trường

Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: 11208254@st.neu.edu.vn

Mã bài: JED-1103

Ngày nhận: 01/02/2023

Ngày nhận bản sửa: 27/03/2023

Ngày duyệt đăng: 03/04/2023

DOI 10.33301/JED.VI.1103

Tóm tắt:

Ý định thực hiện hành vi vì môi trường tại nơi làm việc là chủ đề được nhiều học giả quan tâm. Sử dụng mô hình kết hợp lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) và mô hình kích hoạt tiêu chuẩn (NAM) cùng với phương pháp khảo sát trên diện rộng 350 nhân viên một số doanh nghiệp tại Việt Nam, nghiên cứu đã xác định các nhân tố ảnh hưởng đến ý định thực hiện hành vi vì môi trường tại nơi làm việc. Kết quả cho thấy các giả thuyết của mô hình TPB-NAM đều được chấp nhận. Dựa trên kết quả nghiên cứu, các tác giả đưa ra một số đề xuất cho cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp nhằm khuyến khích nhân viên gia tăng ý định thực hiện hành vi vì môi trường tại nơi làm việc.

Từ khóa: Ý định thực hiện hành vi vì môi trường tại nơi làm việc, lý thuyết hành vi có kế hoạch, mô hình kích hoạt tiêu chuẩn, nhân viên doanh nghiệp.

Mã JEL: C91, F64, F66

Pro-environmental behavior at works of Vietnam enterprises employees

Abstract:

Pro-environmental behavior in the workplace is a topic of interest to many scholars. Using the combined model of theory of planned behavior (TPB) and norm activation model (NAM) along with a large-scale survey method of 350 employees in a number of enterprises in Vietnam, the study identified factors affecting pro-environmental behavioral intention in the workplace. The results show that the hypotheses of the TPB-NAM model are accepted. Based on the research results, the authors make a number of proposals for state management agencies and enterprises in order to encourage employees to increase their intention to perform pro-environmental behavior in the workplace.

Keywords: Pro-environmental behavioral intention in the workplace, theory of planned behavior, norm activation model, enterprises employees.

JEL Codes: C91, F64, F66

1. Giới thiệu

Hành vi vì môi trường nhằm giải quyết các vấn đề ô nhiễm và thúc đẩy phát triển bền vững (De Groot & Steg, 2010). Trong tâm lý học môi trường, người ta đã chú ý rất nhiều đến việc mô tả các hành vi vì môi trường và xem xét các yếu tố quyết định việc thực hiện chúng (Scannell & Gifford, 2010; Steg & Vlek, 2009; Stern, 2000). Ones & Dilchert (2012) chỉ ra rằng các hành vi vì môi trường đã được nghiên cứu trong cả lĩnh vực công cộng và tư nhân, nhưng hiếm khi đề cập tại nơi làm việc. Trong khi đó, một số nghiên cứu phát hiện rằng khi nhân viên thực hiện hành vi vì môi trường sẽ góp phần ngăn ngừa ô nhiễm, thực hiện tốt hệ thống quản lý môi trường và cải thiện môi trường làm việc (Paillé & Boiral, 2013).

Hành vi vì môi trường đã được nghiên cứu qua lăng kính của lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) từ năm 1995 (Cordano & Frieze, 2000; Blok & cộng sự, 2015; Greaves & cộng sự, 2013) nhưng các học giả có xu hướng bỏ qua tầm quan trọng của bối cảnh tổ chức. Theo thống kê của Yuriev & cộng sự (2020) thì phần lớn các nghiên cứu về hành vi này được thực hiện trong các hộ gia đình, chỉ có 18 nghiên cứu tập trung vào hành vi vì môi trường của cá nhân tại nơi làm việc. Mặc dù, TPB thành công trong việc giải thích hành vi vì môi trường nhưng nó đã bỏ qua nghĩa vụ đạo đức (Klöckner & Blöbaum, 2010). Trong khi đó, chuẩn mực đạo đức cá nhân đóng vai trò quan trọng trong giải thích các hành vi ủng hộ môi trường (Gärling & cộng sự, 2003; Thøgersen, 1996). Vì vậy, để tìm ra các nhân tố tác động đến ý định thực hiện hành vi vì môi trường cần nghiên cứu với cách tiếp cận thứ nhất là cách tiếp cận duy lý theo thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) và cách tiếp cận thứ hai là cách tiếp cận đạo đức thông qua mô hình kích hoạt tiêu chuẩn (NAM). Sự kết hợp này đã được chứng minh là phù hợp trong một số nghiên cứu trước đây như Han & Hyun (2017), Rezaei & cộng sự (2019).

Cho đến nay, nghiên cứu về hành vi vì môi trường tại nơi làm việc của các nhân viên đã được thực hiện tại một số quốc gia như Thái Lan (Afsar & cộng sự, 2016), Pakistan (Afsar & Umrani, 2020), Hà Lan (Blok & cộng sự, 2015) và Hoa Kỳ (Azhar, 2012) nhưng tại bối cảnh các nước đang phát triển với nền kinh tế chuyển đổi như Việt Nam thì các nghiên cứu về chủ đề này còn hạn chế.

Chính vì vậy, các tác giả đã sử dụng mô hình kết hợp TPB-NAM để nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định thực hiện hành vi vì môi trường tại nơi làm việc của nhân viên một số doanh nghiệp tại Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

2.1. Ý định hành vi vì môi trường tại nơi làm việc và mô hình TPB-NAM

Kollmuss & Agyeman (2002) cho rằng hành vi vì môi trường tại nơi làm việc là các hành vi của nhân viên nhằm giảm tác động tiêu cực đến môi trường tại nơi làm việc. Norton & cộng sự (2012) diễn giải hành vi vì môi trường ở nơi làm việc là nhận thức của nhân viên về các thuộc tính tổ chức và các chuẩn mực hành vi trong một công ty liên quan đến tính bền vững của môi trường. Hành vi vì môi trường tại nơi làm việc bao gồm tất cả các hành vi tự nguyện hoặc theo quy định được thực hiện bởi các cá nhân tại nơi làm việc nhằm bảo vệ môi trường tự nhiên hoặc cải thiện môi trường làm việc (Saifulina & cộng sự, 2020).

Hành vi vì môi trường của nhân viên bao gồm tái chế, quản lý chất thải hoặc bất kỳ hành vi sinh thái nào khác có ý nghĩa thân thiện với môi trường (Chung & cộng sự, 2019). Các hành vi vì môi trường tại nơi làm việc cũng được đề cập bởi Saifulina & cộng sự (2020) bao gồm tái chế giấy, in hai mặt khi có thể, giúp đỡ đồng nghiệp khi các vấn đề môi trường phát sinh, nâng cao nhận thức của đồng nghiệp về môi trường, tham gia vào các dự án hoặc sự kiện giải quyết các vấn đề môi trường, đề xuất các thực hành để cải thiện hoạt động môi trường của tổ chức, bảo tồn các nguồn tài nguyên được sử dụng hàng ngày như nước và điện.

Ý định hành vi hay ý định thực hiện hành vi là một yếu tố kích thích mạnh mẽ từ bên trong và thường được hiểu là nguyên nhân của các hành vi (Moisander, 2007). Ý định hành vi vì môi trường tại nơi làm việc là nhân tố thúc đẩy nhân viên thực hiện hành vi vì môi trường trong doanh nghiệp.

Lý thuyết thường được sử dụng khi nghiên cứu về ý định là lý thuyết hành vi có kế hoạch - TPB. Lý thuyết này được Ajzen (1991) phát triển từ lý thuyết hành động hợp lý (TRA) của Ajzen & Fishbein (1975). TPB gợi ý rằng ý định hành vi của cá nhân có thể được ước tính bằng thái độ, chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi. TPB được sử dụng để nghiên cứu về hành vi vì môi trường (von Borgstede & Biel, 2002; Bissing-Olson & cộng sự, 2012), hành vi vì môi trường tại nơi làm việc (Homburg & Stolberg, 2006; Robertson & Barling 2013). TPB đã được xác nhận trong nhiều bối cảnh và do đó lý thuyết này được cho là một trong những lý thuyết thống trị (Armitage & Conner, 2001; Onwezen & cộng sự, 2013). Tuy nhiên, rất nhiều các nhà nghiên cứu về hành vi ủng hộ xã hội/ môi trường đã khẳng định rằng TPB chưa thực sự

đầy đủ và hiệu quả bởi vì lý thuyết xã hội học này bỏ lỡ qua khía cạnh khác nhau của quá trình quyết định liên quan đến con người (Bamberg & Möser, 2007; Han & Yoon, 2015; Ong & Musa, 2011). Chính vì vậy, nhiều nghiên cứu sử dụng TPB trong thập kỷ qua đã tích cực thực hiện một nỗ lực mở rộng bằng cách kết hợp một số nhân tố hơn là ứng dụng trực tiếp của lý thuyết này (Bamberg & Möser, 2007; Hsu & Huang, 2012; Meng & Choi, 2016).

Mô hình kích hoạt tiêu chuẩn - NAM được Schwartz đề xuất lần đầu tiên vào năm 1977, khẳng định sự hy sinh lợi ích bản thân vì lợi ích tập thể bắt nguồn từ hành vi vị tha. NAM là một trong những mô hình được sử dụng phổ biến nhất để dự đoán các hành vi ủng hộ môi trường như hành vi vì môi trường tại nơi làm việc. Dựa trên NAM, các hành vi/ý định vị tha là một chức năng của các chuẩn mực cá nhân được kích hoạt bởi hai yếu tố: nhận thức về hậu quả và quy gán trách nhiệm (Schwartz, 1977). NAM đã được áp dụng để dự đoán hành vi môi trường như bảo tồn năng lượng (Black & cộng sự, 1985), lựa chọn chế độ du lịch (Hunecke & cộng sự, 2001), tái chế (Bratt, 1999; Hopper & Nielsen, 1991; Park & Ha, 2014), mua các sản phẩm bao bì hỗ trợ môi trường (Thogersen, 1999), ra quyết định liên quan đến môi trường của khách thăm bảo tàng (Han & Hyun, 2017), hành vi giao thông bền vững (Liu & cộng sự, 2017).

Sự kết hợp TPB và NAM đã được thực hiện chứng minh là phù hợp trong nhiều nghiên cứu như Klöckner & Ohms (2009) về mua sữa hữu cơ; Park & Ha (2014) về ý định tái chế; Han & Hyun (2017) về ra quyết định liên quan đến môi trường của khách thăm bảo tàng; Liu & cộng sự (2017) về hành vi giao thông bền vững; Rezaei & cộng sự (2019) về áp dụng phương pháp quản lý dịch hại tổng hợp của người nông dân (IPM). Do đó, nghiên cứu này sẽ kết hợp lý thuyết TPB và NAM để tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định hành vi vì môi trường tại nơi làm việc của nhân viên một số doanh nghiệp tại Việt Nam.

2.2. Các giả thuyết nghiên cứu

Nhận thức về hậu quả là nhận thức của cá nhân về tác động tiêu cực nếu không thực hiện hành động ủng hộ xã hội (De Groot & Steg, 2009). Quy gán trách nhiệm cho thấy cảm giác trách nhiệm của cá nhân đối với các hành vi ủng hộ xã hội (De Groot & Steg, 2009). Chuẩn mực cá nhân thể hiện nghĩa vụ đạo đức trong việc thực hiện một hành động cụ thể hoặc kiềm chế nó (Schwartz & Howard, 1981).

Nhận thức về hậu quả có ảnh hưởng tích cực đối với chuẩn mực cá nhân hướng về hành vi vì môi trường tại nơi làm việc bởi hậu quả mà nhân viên có thể phải đối mặt khi không hành động vì môi trường là việc môi trường sẽ càng ngày càng bị tổn hại nghiêm trọng, các vấn đề tâm lý của nhân viên sẽ xuất hiện, hiệu quả công việc sẽ giảm sút và nhân viên sẽ cảm thấy cần phải có trách nhiệm với môi trường làm việc của mình. Trong nghiên cứu về một hành vi ủng hộ môi trường của Nguyễn Thị Mai (2021), khi sử dụng mô hình NAM, tác giả đưa ra kết luận về ảnh hưởng của nhân tố quy gán trách nhiệm lên chuẩn mực cá nhân theo hướng thuận chiều. Nhận định này đồng thuận với kết quả của nghiên cứu về hành vi tái chế của người tiêu dùng của Park & Ha (2014) khi sử dụng kết hợp hai mô hình gốc TPB và NAM. Đồng thời, chuẩn mực cá nhân đã được áp dụng và nghiên cứu để dự đoán hành vi môi trường như bảo tồn năng lượng (Black & cộng sự, 1985), tái chế (Bratt, 1999) và mua các sản phẩm đóng gói hỗ trợ môi trường (Thogersen, 1999). Các nghiên cứu đều cho rằng chuẩn mực cá nhân cao sẽ thúc đẩy ý định vì môi trường tại nơi làm việc.

Từ những phân tích trên, các tác giả đưa ra giả thuyết là:

H1a: Nhận thức hậu quả ảnh hưởng tích cực đến chuẩn mực cá nhân.

H1b: Nhận thức hậu quả ảnh hưởng tích cực đến quy gán trách nhiệm.

H2: Quy trách nhiệm ảnh hưởng tích cực đến chuẩn mực cá nhân.

H3: Chuẩn mực cá nhân ảnh hưởng tích cực đến ý định hành vi vì môi trường tại nơi làm việc.

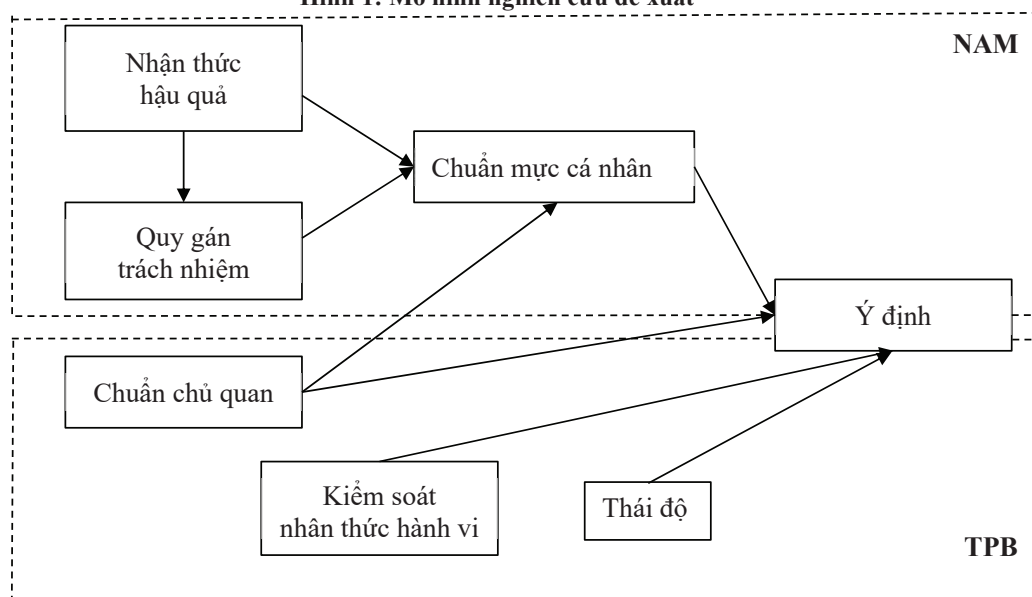
Hawcroft & Milfont (2010) định nghĩa thái độ vì môi trường là xu hướng quan tâm đến môi trường tự nhiên của một người và có liên quan tích cực đến các hành vi bảo vệ môi trường hàng ngày ở nơi làm việc. Tudor & cộng sự (2008) đã nhận thấy rằng thái độ đối với môi trường là một nhân tố dự báo hành vi vì môi trường của nhân viên. Ngoài ra, Tudor & cộng sự (2008) còn nhấn mạnh thái độ của nhân viên với môi trường là nhân tố chính ảnh hưởng đến ý định vì môi trường ở nơi làm việc của họ.

Chuẩn chủ quan được định nghĩa là nhận thức của một người về việc liệu những người quan trọng có nghĩ rằng hành vi đó nên được thực hiện hay không (Fishbein & Ajzen, 1975). Chuẩn chủ quan là mức độ mà một người nhận thức được nhu cầu về “tâm quan trọng” của người khác đối với cá nhân trong hành vi vì môi trường tại nơi làm việc. Ảnh hưởng trực tiếp của chuẩn chủ quan đến ý định vì môi trường tại nơi làm việc

được nhấn mạnh trong nhiều nghiên cứu (Wesselinck & cộng sự, 2017; Zhang & cộng sự, 2018). Bên cạnh đó, Bamberg & cộng sự (2007) cho rằng các chuẩn chủ quan có trước các chuẩn mực cá nhân vì các chuẩn chủ quan xác định xem một hành vi cụ thể có đúng về mặt xã hội hay không. Các nghiên cứu khác cũng chứng minh mối quan hệ tích cực giữa chuẩn chủ quan và chuẩn mực cá nhân (Harland & cộng sự, 1999; Bamberg & Moser, 2007). Nhận thức của các cá nhân về suy nghĩ của những người quan trọng đối với hành vi vì môi trường có xu hướng tác động đến cảm nhận của họ về nghĩa vụ đạo đức phải thực hiện hành vi này.

Theo Ajzen (1991), nhận thức kiểm soát hành vi là nhận thức của cá nhân về mức độ dễ hay khó khi thực hiện một hành vi. Theo Yang & cộng sự (2020), nhận thức kiểm soát hành vi được cho là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến ý định hành vi vì môi trường tại nơi làm việc của nhân viên trong tổ chức công của Malaysia. Nghiên cứu xác nhận rằng nhận thức kiểm soát hành vi có ảnh hưởng đáng kể cũng như dự đoán ý định hành vi vì môi trường tại nơi làm việc. Nhận định này cũng được ủng hộ bởi nhiều nhà nghiên

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



cứ khác liên quan đến chủ đề hành vi vì môi trường (Mahmud & Osman, 2010; Albayrak & cộng sự, 2013; Razak & Sabri, 2019).

Từ những phân tích trên, các tác giả đưa ra giả thuyết là:

H4: Thái độ có ảnh hưởng tích cực đến ý định hành vi vì môi trường tại nơi làm việc

H5a: Chuẩn chủ quan có ảnh hưởng tích cực đến ý định hành vi vì môi trường tại nơi làm việc

H5b: Chuẩn chủ quan ảnh hưởng tích cực đến chuẩn mực cá nhân

H5: Nhận thức kiểm soát hành vi ảnh hưởng tích cực đến ý định hành vi vì môi trường tại nơi làm việc.

3. Phương pháp

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Với nghiên cứu định tính, chúng tôi tiến hành phỏng vấn sâu 12 nhân viên đang làm việc tại một số doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội. Các tác giả đã tiến hành phỏng vấn trực tiếp tại văn phòng làm việc của các doanh nghiệp. Mỗi cuộc phỏng vấn kéo dài từ 35 - 45 phút. Kết quả nghiên cứu định tính cho thấy, người tham gia phỏng vấn đồng ý với các nhân tố được đề cập đến trong mô hình nghiên cứu. Bên cạnh đó, nghiên cứu định tính cũng giúp các tác giả xác định tính phù hợp của các câu hỏi trong phiếu khảo sát trước khi tiến hành khảo sát trên diện rộng.

Với nghiên cứu định lượng, các tác giả tiến hành khảo sát trên diện rộng theo phương pháp thuận tiện nên phần lớn những người trả lời là những người trẻ (dưới 30 tuổi). Sau khi chỉnh sửa phiếu khảo sát theo góp ý của chuyên gia và kết quả nghiên cứu định tính, các tác giả liên hệ với một số doanh nghiệp tại Hà Nội và gửi phiếu khảo sát đến 400 nhân viên đang làm việc tại đây dưới dạng trực tiếp từ tháng 6 đến tháng 10/2022 và kết quả có 50 phiếu trắng không trả lời hoặc thiếu thông tin. Do vậy tổng số phiếu quan sát hợp lệ là 350 phiếu.

3.2. Mẫu nghiên cứu

Tổng số quan sát đạt yêu cầu là 350 quan sát và được thống kê mô tả trong Bảng 1. Số lượng người tham gia là nữ đạt 55,7% cao hơn so với số lượng người tham gia là nam. Những người tham gia trong độ tuổi từ

Bảng 1: Mô tả mẫu nghiên cứu

Tiêu chí	Số quan sát	Phần trăm (%)
Giới tính	350	100
Nam	155	44,3
Nữ	195	55,7
Tuổi	350	100
Từ 18 đến 30	282	80,6
Từ 30 đến 40	40	11,4
Từ 40 đến 50	23	6,6
Trên 50	5	1,4
Học vấn	350	100
THPT	49	14
Cao đẳng	18	5,1
Đại học	253	72,3
Thạc sĩ	26	7,4
Tiến sĩ	4	1,1
Kinh nghiệm làm việc	350	100
Dưới 1 năm	150	42,9
1-5 năm	130	37,1
6-10 năm	42	12
11-20 năm	18	5,1
Trên 20 năm	10	2,9
Thu nhập	350	100
Dưới 5 triệu	120	34,3
5-10 triệu	123	35,1
11-15 triệu	53	15,1
Trên 15 triệu	54	15,4

Nguồn: Tính toán của các tác giả

18 đến 30 chiếm tỷ trọng lớn (80,6%), những người có độ tuổi trên 50 chiếm tỷ trọng nhỏ nhất (1,4%). Về trình độ học vấn, chủ yếu người tham gia khảo sát có trình độ đại học, chiếm 72,3%. Về kinh nghiệm làm việc, phần lớn người trả lời có kinh nghiệm làm việc dưới 1 năm và từ 1 đến 5 năm, chiếm 42,9% và 37,1% tương ứng. Về thu nhập, những người được hỏi có thu nhập dưới 5 triệu và từ 5 đến 10 triệu chiếm tỷ lệ trên 30% mỗi loại.

Với dữ liệu thu thập được, các tác giả sử dụng thống kê mô tả và thực hiện kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính PLS-SEM với sự hỗ trợ của ứng dụng SPSS 26.0 và SmartPLS 3.0 nhằm đưa ra các kết luận về ảnh hưởng của các nhân tố đến ý định thực hiện hành vi vì môi trường tại nơi làm việc.

3.3. Thang đo

Các tác giả đã sử dụng thang đo gồm 3 quan sát của Xiao & Li (2011) để đo lường ý định (IN); 5 quan sát của Wesselink & cộng sự (2017) để đo lường thái độ (AT); 3 quan sát của Nag (2012) để đo lường chuẩn mực cá nhân (PN); 3 quan sát của Shin & cộng sự (2018) để đo lường nhận thức hậu quả (AC); 3 quan sát của Shin & cộng sự (2018) để đo lường quy gán trách nhiệm (AR); 3 quan sát của Paul & cộng sự (2016) để đo lường chuẩn chủ quan (SN) và 3 quan sát của Ru & cộng sự (2018) để đo lường nhận thức kiểm soát hành vi (PBC). Mỗi một quan sát được đo lường bằng thang đo Likert từ 1 (Hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (Hoàn toàn đồng ý).

4. Kết quả nghiên cứu

Kiểm định độ tin cậy và giá trị hội tụ của thang đo

Về độ tin cậy thang đo được đánh giá thông qua hệ số Cronbach's Alpha và độ tin cậy tổng hợp (composite

Bảng 2: Giá trị hội tụ và độ tin cậy của thang đo

Nhân tố	Kí hiệu	Tính giá trị		Độ tin cậy	
		Hệ số tải ngoài	AVE	Cronbach's Alpha	CR
Ý định (IN)	IN1	0,871	0,727	0,812	0,889
	IN2	0,821			
	IN3	0,866			
Thái độ (AT)	AT1	0,733	0,566	0,808	0,867
	AT2	0,779			
	AT3	0,764			
	AT4	0,723			
	AT5	0,761			
Chuẩn mực cá nhân (PN)	PN1	0,901	0,779	0,858	0,913
	PN2	0,885			
	PN3	0,861			
Nhận thức hậu quả (AC)	AC1	0,869	0,736	0,821	0,893
	AC2	0,859			
	AC3	0,845			
Quy trách nhiệm (AR)	AR1	0,867	0,774	0,855	0,911
	AR2	0,900			
	AR3	0,871			
Chuẩn chủ quan (SN)	SN1	0,788	0,660	0,742	0,853
	SN2	0,808			
	SN3	0,840			
Nhận thức kiểm soát hành vi (PBC)	PBC1	0,818	0,696	0,784	0,873
	PBC2	0,835			
	PBC3	0,850			

Bảng 3: Kết quả kiểm định mối quan hệ

Giả thuyết	Hệ số β	Giá trị t	P-Value	Giả thuyết
H1a AC \rightarrow PN	0,376	8,319	0,000	Chấp nhận
H1b AC \rightarrow AR	0,425	10,739	0,000	Chấp nhận
H2 AR \rightarrow PN	0,255	6,037	0,000	Chấp nhận
H3 PN \rightarrow IN	0,212	4,490	0,000	Chấp nhận
H4 AT \rightarrow IN	0,288	5,169	0,000	Chấp nhận
H5a SN \rightarrow IN	0,123	2,534	0,011	Chấp nhận
H5b SN \rightarrow PN	0,330	7,876	0,000	Chấp nhận
H6 PBC \rightarrow IN	0,272	5,634	0,000	Chấp nhận

reliability - CR). Kết quả phân tích cho thấy, hệ số Cronbach's Alpha và độ tin cậy tổng hợp (CR) đều lớn hơn 0,7. Hệ số Cronbach's Alpha và độ tin cậy tổng hợp (CR) tối thiểu lần lượt là 0,742 và 0,853.

Về giá trị hội tụ, các tác giả xem xét hệ số tải ngoài (outer loading) của các quan sát và phương sai trích trung bình (average variance extracted - AVE) (Fornell & Larcker, 1981). Nếu hệ số tải ngoài càng cao, điều đó có nghĩa là biến quan sát sẽ cùng đo lường chung một nhân tố. Hair & cộng sự (2014) cho rằng hệ số tải ngoài cần lớn hơn hoặc bằng 0,7 thì biến quan sát đó là chất lượng. Đồng thời, Fornell & Larcker (1981) cho rằng để nhân tố đạt giá trị hội tụ thì AVE đạt từ khoảng 0,5 trở lên. Trong Bảng 2, kết quả thống kê cho thấy tất cả các hệ số nhân tố tải ngoài của các biến quan sát của mô hình nghiên cứu đều lớn hơn 0,7; AVE đều lớn hơn 0,5 và dao động từ 0,566 đến 0,779.

Từ Bảng 3 cho thấy các giá trị P-value đều thấp hơn 0,05 (với độ tin cậy 95%), do đó các biến độc lập đều thể hiện sự ảnh hưởng tới các biến phụ thuộc, đồng thời cho thấy tất cả các mối quan hệ trong mô hình đều đạt ý nghĩa thống kê, các giả thuyết của mô hình đều được chấp nhận.

5. Thảo luận và hàm ý chính sách

5.1. Thảo luận

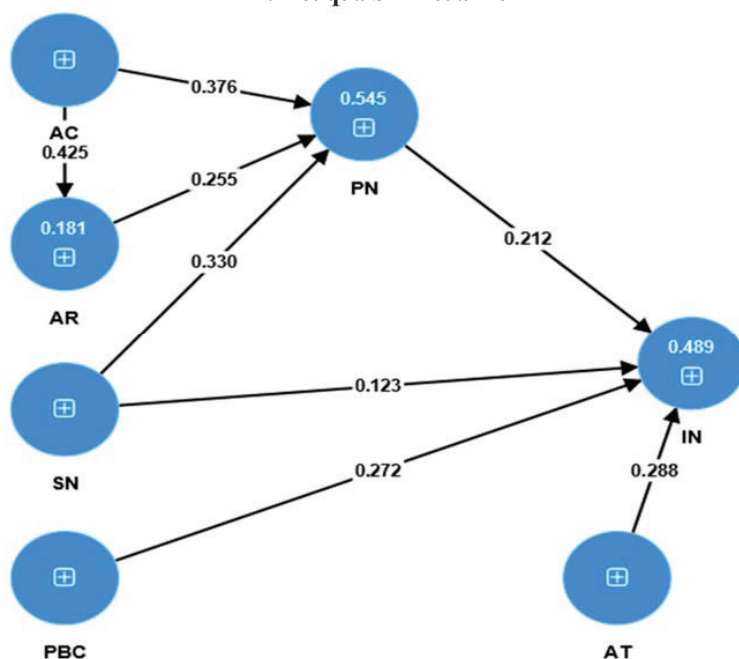
Thứ nhất, nhận thức hậu quả có mối tương quan tỷ lệ thuận với hệ số β tương ứng lần lượt là 0,425 và 0,376 với quy trách nhiệm và chuẩn mực cá nhân. Kết luận này cũng được đồng thuận bởi nghiên cứu trước đây như của Schwartz (1977), De-Groot & Steg (2009), Klöckner (2013), Nguyễn Thị Mai (2021), Setiawan & cộng sự (2014), Shin & cộng sự (2018), Wang & cộng sự (2018). Nhận thức được những hậu quả do không thực hiện hành vi vì môi trường giúp nhân viên dần hình thành ý thức cũng như tinh thần trách nhiệm cao hơn đối với nghĩa vụ mà họ cần thực hiện, kết quả là giả thuyết H1a và H1b được chấp nhận.

Thứ hai, quy trách nhiệm là nhân tố thứ hai có ảnh hưởng tỷ lệ thuận với chuẩn mực cá nhân. Nhiều tác giả cũng đồng ý với nhận định này như De-Groot & Steg (2009), Joanes & cộng sự (2020), Klöckner (2013), Onwezen & cộng sự (2013), Nguyễn Thị Mai (2021), Park & Ha (2014), Schwartz (1977), Setiawan & cộng sự (2014), Shin & cộng sự (2018), Wang & cộng sự (2018). Như vậy, giả thuyết H2 được chấp nhận.

Thứ ba, chuẩn mực cá nhân là nhân tố ảnh hưởng đến ý định hành vi vì môi trường ở nơi làm việc của nhân viên. Kết luận này hoàn toàn phù hợp với các lý thuyết tâm lý xã hội hiện nay khi chuẩn mực cá nhân là một nhân tố chính liên quan trực tiếp đến ý định hành vi vì môi trường, đồng thời chuẩn mực cá nhân còn là động lực tự chủ và nội tại có đạo đức để tuân thủ các hành vi vì môi trường (Bertoldo & Castro, 2016). Bamberg (2012) cũng chỉ ra rằng chuẩn mực cá nhân là nhân tố quyết định trực tiếp đến ý định hành vi vì môi trường. Vì vậy, giả thuyết H3 được chấp nhận.

Thứ tư, mối quan hệ giữa nhân tố thái độ với ý định hành vi đã được chứng minh trong nhiều nghiên cứu của các tác giả trước đây (Alexa & cộng sự, 2021; Aghaei & cộng sự, 2021; Degli-Esposti & cộng sự, 2021; Joanes & cộng sự, 2020; Klöckner, 2013; Matharu & cộng sự, 2020) và trong nghiên cứu này, các tác giả

Hình 2: Kết quả SEM của mô hình



cũng đồng thuận với nhận định trên, do đó, giả thuyết H4 được chấp nhận.

Thứ năm, chuẩn chủ quan và ý định hành vi vì môi trường tại nơi làm việc có mối quan hệ đồng thuận. Kết luận này tương tự như các nghiên cứu của Wesselink & cộng sự (2017), Zhang & cộng sự (2018). Ngoài ra, chuẩn chủ quan là nhân tố có ảnh hưởng lớn thứ hai đến chuẩn mực cá nhân với hệ số $\beta = 0,330$. Điều này phù hợp với kết luận của một số nghiên cứu trước đây như Klockner (2013), Joanes & cộng sự (2020), Onwezen & cộng sự (2013). Như vậy, chấp nhận giả thuyết H5a và H5b.

Thứ sáu, nhận thức kiểm soát hành vi có ảnh hưởng tích cực tới ý định hành vi vì môi trường tại nơi làm việc, mức độ ảnh hưởng đứng thứ hai sau thái độ ($\beta = 0,272$ so với 0,288). Một số nghiên cứu trước đây cũng đưa ra kết luận về mối quan hệ thuận chiều này như Albayrak & cộng sự (2013), Mahmud & Osman

(2010), Razak & Sabri (2019), do đó, giả thuyết H6 được chấp nhận.

5.2. Kết luận

Trong bối cảnh tình trạng môi trường đang ngày càng có xu hướng kém dần, kết quả nghiên cứu cho thấy, thái độ, nhận thức kiểm soát hành vi, chuẩn chủ quan và chuẩn mực cá nhân có quan hệ đồng thuận với ý định hành vi vì môi trường tại nơi làm việc. Do đó, cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp có thể tham khảo một số đề xuất sau:

Đối với cơ quan quản lý nhà nước, để tác động đến thái độ và chuẩn mực cá nhân, cần có biện pháp nhằm nâng cao nhận thức về các tác hại đối với môi trường do không thực hiện các hành vi vì môi trường như truyền thông qua các bản tin thời sự, chương trình giải trí, gắn kết với nội dung các môn học như môn đạo đức hay giáo dục công dân từ bậc trung học.

Đối với doanh nghiệp, thực hiện các hoạt động truyền thông nội bộ từ quản trị cấp cao đến các nhân viên về trách nhiệm thực hiện hành vi vì môi trường tại nơi làm việc, đưa ra các quy định về hành vi cụ thể trong tổ chức mà nhân viên cần thực hiện để bảo vệ môi trường như hạn chế lãng phí giấy in, tiết kiệm điện, nước... nhằm tác động đến nhận thức kiểm soát hành vi và chuẩn chủ quan của nhân viên.

Tài liệu tham khảo

- Afsar, B., & Umrani, W. A. (2020), 'Transformational leadership and innovative work behavior: The role of motivation to learn, task complexity and innovation climate', *European Journal of Innovation Management*, 23(3), 402-428.
- Afsar, B., Badir, Y., & Kiani, U. S. (2016), 'Linking spiritual leadership and employee pro-environmental behavior: The influence of workplace spirituality, intrinsic motivation, and environmental passion', *Journal of Environmental Psychology*, 45, 79-88.
- Aghaei, M., Sahebi, A. G., & Kordheydari, R. (2021), 'Investigating the change in customers' sustainable consumption behaviour after the outbreak of covid-19', *International Journal of Applied Marketing*, 6(1), 34-49.
- Ajzen, I. (1991), 'The theory of planned behavior', *Organizational behavior and human decision processes*, 50(2), 179-211.
- Ajzen, I., & Fishbein, M. (1975), 'A Bayesian analysis of attribution processes', *Psychological bulletin*, 82(2), 261.
- Albayrak, T., Aksoy, Ş., & Caber, M. (2013), 'The effect of environmental concern and scepticism on green purchase behaviour', *Marketing Intelligence và Planning*, 31(1), 27-39.
- Alexa, L., Apetrei, A., & Sapena, J. (2021), 'The COVID-19 lockdown effect on the intention to purchase sustainable brands', *Sustainability*, 13(6), 3241.
- Armitage, C. J., & Conner, M. (2001), 'Efficacy of the theory of planned behaviour: A meta-analytic review', *British journal of social psychology*, 40(4), 471-499.
- Azhar, A. (2012), *Proenvironmental behavior in public organizations: Empirical evidence from Florida city governments*, The Florida State University.
- Bamberg, S. (2012), 'Understanding and promoting bicycle use—Insights from psychological research', *Cycling and sustainability*, 1, 219-246.
- Bamberg, S., & Moser, G. (2007), 'Twenty years after Hines, Hungerford, and Tomera: A new meta analysis of psychosocial determinants of pro-environmental behaviour', *Journal of Environmental Psychology*, 27(1), 14–25.
- Bamberg, S., Hunecke, M., & Blobaum, A. (2007), 'Social context, personal norms and the use of € public transportation: Two field studies', *Journal of Environmental Psychology*, 27(3), 190–20.
- Bertoldo, R., & Castro, P. (2016), 'The outer influence inside us: Exploring the relation between social and personal norms', *Resources, Conservation and Recycling*, 112, 45-53.
- Bissing-Olson, M. J., Zacher, H., Fielding, K. S., & Iyer, A. (2012), 'An intraindividual perspective on pro-environmental behaviors at work', *Industrial and Organizational Psychology*, 5(4), 500-502.
- Black, J. S., Stern, P. C., & Elworth, J. T. (1985), 'Personal and contextual influences on household energy adaptations'. *Journal of applied psychology*, 70(1), 3.

- Blok, V., Wesselink, R., Studynka, O., & Kemp, R. (2015), 'Encouraging sustainability in the workplace: A survey on the pro-environmental behaviour of university employees', *Journal of cleaner production*, 106, 55-67.
- Bratt, C. (1999), 'The impact of norms and assumed consequences on recycling behavior', *Environment and Behavior*, 31(5), 630-656.
- Chung, H. F., Shi, J. W., & Sun, K. J. (2019), 'Why employees contribute to pro-environmental behaviour: the role of pluralistic Ignorance in Chinese society', *Sustainability*, 12(1), 239.
- Cordano, M., & Frieze, I. H. (2000), 'Pollution reduction preferences of US environmental managers: Applying Ajzen's theory of planned behavior', *Academy of Management journal*, 43(4), 627-641.
- De Groot, J. I., & Steg, L. (2010), 'Relationships between value orientations, self-determined motivational types and pro-environmental behavioural intentions', *Journal of Environmental Psychology*, 30(4), 368-378.
- Degli Esposti, P., Mortara, A., & Roberti, G. (2021), 'Sustainable Consumer Behaviour: A Field Analysis of Italians' Attitudes Towards Sustainable Consumption', *Micro & Macro Marketing*, 30(1), 69-87.
- De-Groot, J. I. M. D., & Steg, L. (2009), 'Morality and prosocial behaviour: The role of awareness, responsibility, and norms in the norm activation model', *Journal of Social Psychology*, 149(4), 425-449.
- Fornell, C., & Larcker, D. F. (1981), 'Evaluating structural equation models with unobservable variables and measurement', *Journal of marketing research*, 18(1), 39-50.
- Gärbling, T., Fujii, S., Gärbling, A., & Jakobsson, C. (2003), 'Moderating effects of social value orientation on determinants of proenvironmental behavior intention', *Journal of environmental psychology*, 23(1), 1-9.
- Greaves, M., Zibarras, L. D., & Stride, C. (2013), 'Using the theory of planned behavior to explore environmental behavioral intentions in the workplace', *Journal of Environmental Psychology*, 34, 109-120.
- Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., & Anderson, R. E. (2014), 'Multivariate data analysis: Pearson new international edition', *Pearson Education Limited*, 1(2).
- Han, H., & Hyun, S. S. (2017), 'Drivers of customer decision to visit an environmentally responsible museum: Merging the theory of planned behavior and norm activation theory', *Journal of Travel và Tourism Marketing*, 34(9), 1155-1168.
- Han, H., & Yoon, H. J. (2015), 'Hotel customers' environmentally responsible behavioral intention: Impact of key constructs on decision in green consumerism', *International Journal of Hospitality Management*, 45, 22-33.
- Harland, P., Staats, H., & Wilke, H. A. M. (1999), 'Explaining proenvironmental intention and behavior by personal norms and the theory of planned behavior', *Journal of Applied Social Psychology*, 29(12), 2505-2528.
- Hawcroft, L. J., & Milfont, T. L. (2010), 'The use (and abuse) of the new environmental paradigm scale over the last 30 years: A meta-analysis', *Journal of Environmental psychology*, 30(2), 143-158.
- Homburg, A., & Stolberg, A. (2006), 'Explaining pro-environmental behavior with a cognitive theory of stress', *Journal of Environmental Psychology*, 26(1), 1-14.
- Hopper, J. R., & Nielsen, J. M. (1991), 'Recycling as altruistic behavior: Normative and behavioral strategies to expand participation in a community recycling program', *Environment and behavior*, 23(2), 195-220.
- Hsu, C. H., & Huang, S. (2012), 'An extension of the theory of planned behavior model for tourists', *Journal of Hospitality và Tourism Research*, 36(3), 390-417.
- Hunecke, M., Blöbaum, A., Matthies, E., & Höger, R. (2001), 'Responsibility and environment: Ecological norm orientation and external factors in the domain of travel mode choice behavior', *Environment and behavior*, 33(6), 830-852.
- Joanes, T., Gwozdz, W., & Klöckner, C. A. (2020), 'Reducing personal clothing consumption: A cross-cultural validation of the comprehensive action determination model', *Journal of Environmental Psychology*, 71, 101396.
- Klöckner, C. A. (2013), 'A comprehensive model of the psychology of environmental behaviour—A meta-analysis', *Global environmental change*, 23(5), 1028-1038.
- Klöckner, C. A., & Blöbaum, A. (2010). A comprehensive action determination model: Toward a broader understanding of ecological behaviour using the example of travel mode choice. *Journal of Environmental Psychology*, 30(4), 574-586.
- Klöckner, C. A., & Ohms, S. (2009), 'The importance of personal norms for purchasing organic milk', *British Food*

Journal, 111(11), 1173–1187.

- Kollmuss, A., & Agyeman, J. (2002), 'Mind the gap: why do people act environmentally and what are the barriers to pro-environmental behavior?', *Environmental education research*, 8(3), 239-260.
- Liu, Y., Sheng, H., Mundorf, N., Redding, C., & Ye, Y. (2017), 'Integrating norm activation model and theory of planned behavior to understand sustainable transport behavior: Evidence from China', *International journal of environmental research and public health*, 14(12), 1593.
- Mahmud, S. N. D., & Osman, K. (2010), 'The determinants of recycling intention behavior among the Malaysian school students: an application of theory of planned behaviour', *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 9, 119-124.
- Matharu, M., Jain, R., & Kamboj, S. (2020), 'Understanding the impact of lifestyle on sustainable consumption behavior: a sharing economy perspective', *Management of environmental quality: An international Journal*, 32(1), 20-40.
- Meng, B., & Choi, K. (2016), 'Extending the theory of planned behaviour: Testing the effects of authentic perception and environmental concerns on the slow-tourist decision-making process', *Current Issues in Tourism*, 19(6), 528-544.
- Moisander, J. (2007), 'Motivational complexity of green consumerism', *International journal of consumer studies*, 31(4), 404-409.
- Nag, M. (2012), 'Pro-environmental behaviors in the workplace: Is concern for the environment enough?', PhD Thesis, University of Maryland, College Park.
- Nguyễn Thị Mai (2021), *Các yếu tố ảnh hưởng tới ý định chấp nhận sản xuất nông nghiệp hữu cơ của người nông dân – nghiên cứu trên địa bàn Hà Nội*, Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Norton, T. A., Zacher, H., & Ashkanasy, N. M. (2012), 'On the importance of pro-environmental organizational climate for employee green behavior', *Industrial and Organizational Psychology*, 5(4), 497-500.
- Ones, D. S., & Dilchert, S. (2012), 'Environmental sustainability at work: A call to action', *Industrial and Organizational Psychology*, 5(4), 444-466.
- Ong, T. F., & Musa, G. (2011), 'An examination of recreational divers' underwater behaviour by attitude-behaviour theories', *Current issues in Tourism*, 14(8), 779-795.
- Onwezen, M. C., Antonides, G., & Bartels, J. (2013), 'The Norm Activation Model: An exploration of the functions of anticipated pride and guilt in pro-environmental behaviour', *Journal of economic psychology*, 39, 141-153.
- Paillé, P., & Boiral, O. (2013), 'Pro-environmental behavior at work: Construct validity and determinants', *Journal of Environmental Psychology*, 36, 118-128.
- Park, J., & Ha, S. (2014), 'Understanding consumer recycling behavior: Combining the theory of planned behavior and the norm activation model', *Family and consumer sciences research journal*, 42(3), 278-291.
- Paul, J., Modi, A., & Patel, J. (2016), 'Predicting green product consumption using theory of planned behavior and reasoned action', *Journal of retailing and consumer services*, 29, 123-134.
- Razak, N. F., & Sabri, M. F. (2019), 'Pro-environmental workplace intention behaviour in the Malaysian public organization', *Asian Social Science*, 15(4), 60-68.
- Rezaei, R., Safa, L., Damalas, C. A., & Ganjkanloo, M. M. (2019), 'Drivers of farmers' intention to use integrated pest management: Integrating theory of planned behavior and norm activation model', *Journal of Environmental Management*, 236, 328-339.
- Robertson, J. L., & Barling, J. (2013), 'Greening organizations through leaders' influence on employees' pro-environmental behaviors', *Journal of organizational behavior*, 34(2), 176-194.
- Ru, X., Wang, S., & Yan, S. (2018), 'Exploring the effects of normative factors and perceived behavioral control on individual's energy-saving intention: An empirical study in eastern China', *Resources, Conservation and Recycling*, 134, 91-99.
- Saifulina, N., Carballo-Penela, A., & Ruzo-Sanmartín, E. (2020), 'Sustainable HRM and green HRM: The role of green HRM in influencing employee pro-environmental behavior at work', *Journal of Sustainability Research*, 2(3), 1-25.
- Scannell, L., & Gifford, R. (2010), 'The relations between natural and civic place attachment and pro-environmental behavior', *Journal of environmental psychology*, 30(3), 289-297.

-
- Schwartz, S. H. (1977), 'Normative influences on altruism', *Advances in Experimental Social Psychology*, 10, 221-279.
- Schwartz, S. H., & Howard, J. A. (1981), 'A normative decision-making model of altruism', *Altruism and helping behavior*, 189-211.
- Setiawan, R., Santosa, W., & Sjafruddin, A. (2014), 'Integration of theory of planned behavior and norm activation model on student behavior model using cars for traveling to campus', *Civil Engineering Dimension*, 16(2), 117-122.
- Shin, Y. H., Im, J., Jung, S. E., & Severt, K. (2018), 'The theory of planned behavior and the norm activation model approach to consumer behavior regarding organic menus', *International Journal of Hospitality Management*, 69, 21-29.
- Steg, L., & Vlek, C. (2009), 'Encouraging pro-environmental behaviour: An integrative review and research agenda', *Journal of environmental psychology*, 29(3), 309-317.
- Stern, P. C. (2000), 'New environmental theories: toward a coherent theory of environmentally significant behavior', *Journal of social issues*, 56(3), 407-424.
- Thøgersen, J. (1996), 'Recycling and morality: A critical review of the literature', *Environment and behavior*, 28(4), 536-558.
- Thøgersen, J. (1999), 'The ethical consumer. Moral norms and packaging choice', *Journal of Consumer Policy*, 22(4), 439-460.
- Tudor, T. L., Barr, S. W., & Gilg, A. W. (2008), 'A novel conceptual framework for examining environmental behavior in large organizations: A case study of the Cornwall National Health Service (NHS) in the United Kingdom', *Environment and behavior*, 40(3), 426-450.
- Von Borgstede, C., & Biel, A. (2002), *Pro-environmental Behavior: Situations Barriers and Concern for the Good at Stake*, Goteborg Psychological Reports, 32, 1-10.
- Wang, B., Wang, X., Guo, D., Zhang, B., & Wang, Z. (2018), 'Analysis of factors influencing residents' habitual energy-saving behaviour based on NAM and TPB models: Egoism or altruism?', *Energy policy*, 116, 68-77.
- Wesselink, R., Blok, V., & Ringersma, J. (2017), 'Pro-environmental behaviour in the workplace and the role of managers and organisation', *Journal of cleaner production*, 168, 1679-1687.
- Xiao, J. J., & Li, H. (2011), 'Sustainable consumption and life satisfaction', *Social indicators research*, 104(2), 323-329.
- Yang, J. H., Zhou, M. F., Hu, R. Z., Zhong, H., Williams-Jones, A. E., Liu, L., ... & Mao, W. (2020), 'Granite-related tin metallogenic events and key controlling factors in Peninsular Malaysia, Southeast Asia: New insights from cassiterite U-Pb dating and zircon geochemistry', *Economic Geology*, 115(3), 581-601.
- Yuriev, A., Dahmen, M., Paillé, P., Boiral, O., & Guillaumie, L. (2020), 'Pro-environmental behaviors through the lens of the theory of planned behavior: A scoping review', *Resources, Conservation and Recycling*, 155, 104660.
- Zhang, Y., Moyle, B. D., & Jin, X. (2018), 'Fostering visitors' pro-environmental behaviour in an urban park', *Asia Pacific Journal of Tourism Research*, 23(7), 691-702.